

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
USER GUIDE

MacBook Pro M1

Apple Silicon · macOS 26 Tahoe / macOS 27 Golden Gate

Dành cho người dùng chuyển từ Windows sang macOS

For users switching from Windows to macOS

Complete User Guide — For Windows Switchers · Vietnamese — English Edition

Bao gồm chuyên đề

Special topics included

Sản xuất nhạc & video • Bảo mật và sao lưu • Xử lý sự cố • Tăng năng suất
Music & video production • Security and backup • Troubleshooting • Productivity

Biên soạn cho: Xuân Thủy Lê

Prepared for: Xuân Thủy Lê

Phiên bản 1.0 — Tháng 9 năm 2026

Version 1.0 — September 2026

MỤC LỤC / Table of Contents

Nếu mục lục bên dưới trống, hãy nhấp chuột phải vào nó và chọn Update Field (hoặc nhấn F9) để Word tạo mục lục kèm số trang.

If the table of contents below is empty, right-click it and choose Update Field (or press F9) for Word to build the table of contents with page numbers.

Chương 1. Làm quen với MacBook Pro M1 — Chapter 1. Getting to know the MacBook Pro M1.....	6
1.1. Thông số phần cứng cần biết — Hardware specifications to know	6
Cách kiểm tra chính xác cấu hình máy của bạn — How to check your machine's exact configuration..	7
1.2. Nhận diện cổng kết nối và phụ kiện cần có — Identifying ports and essential accessories	7
1.3. Thiết lập lần đầu (Setup Assistant) — First-time setup (Setup Assistant)	8
1.4. Phiên bản macOS và lộ trình cập nhật — macOS versions and the update roadmap.....	9
Cách cập nhật — How to update.....	9
Chương 2. Từ Windows sang macOS — Bản đồ chuyển đổi — Chapter 2. From Windows to macOS — A conversion map	11
2.1. Bảng đối chiếu khái niệm Windows ↔ macOS — Windows ↔ macOS concept comparison table	11
2.2. Mười thói quen bắt buộc phải đổi — Ten habits you must change	13
1) Nút X không thoát ứng dụng — The X button does not quit the app.....	13
2) Nút xanh là toàn màn hình, không phải phóng to — The green button means full screen, not maximise	13
3) Không có "Cut" tệp trong Finder — There is no "Cut" for files in Finder.....	13
4) Phím Delete là Backspace — The Delete key is Backspace	13
5) Home / End không nhảy đầu dòng — Home / End do not jump to the start of the line	13
6) Cuộn "tự nhiên" ngược chiều — "Natural" scrolling runs the other way	13
7) Menu ứng dụng nằm trên cùng màn hình — The app menu is at the top of the screen	13
8) Cài phần mềm là kéo-thả, gỡ phần mềm không có "Add/Remove Programs" — Installing software is drag-and-drop; uninstalling has no "Add/Remove Programs"	14
9) Chuột phải cần bật hoặc dùng hai ngón — Right-click must be enabled, or use two fingers	14
10) Ổ NTFS chỉ đọc được, không ghi được — NTFS drives are read-only, not writable	14
2.3. Bảng quy đổi phím tắt Windows → macOS — Windows → macOS keyboard shortcut conversion table	14
2.4. Gõ tiếng Việt trên macOS — Typing Vietnamese on macOS.....	16
Bật bộ gõ tích hợp — Enable the built-in input method.....	16
Khi nào nên dùng bộ gõ bên ngoài — When to use a third-party input method	16
2.5. Chuyển dữ liệu từ máy Windows sang Mac — Transferring data from a Windows computer to a Mac	16
Cách thủ công (thường nhanh và sạch hơn) — The manual way (usually faster and cleaner).....	17
Chương 3. Bàn phím, phím tắt và Trackpad — Chapter 3. Keyboard, shortcuts and Trackpad	18
3.1. Bốn phím bổ trợ và ký hiệu của chúng — The four modifier keys and their symbols	18
3.2. Bộ phím tắt hệ thống thiết yếu — Essential system shortcuts.....	18
3.3. Phím tắt soạn thảo văn bản — Text editing shortcuts	20
3.4. Cử chỉ trackpad (Trackpad gestures)	20

3.5. Touch Bar và Touch ID — <i>Touch Bar and Touch ID</i>	22
3.6. Tự tạo phím tắt cho bất kỳ lệnh menu nào — <i>Create your own shortcut for any menu command</i>	22
Chương 4. Finder và quản lý tệp — <i>Chapter 4. Finder and file management</i>	24
4.1. Cấu trúc thư mục macOS — <i>macOS folder structure</i>	24
Mở thư mục ẩn ~/Library — <i>Open the hidden ~/Library folder</i>	24
4.2. Thao tác Finder cần thuộc lòng — <i>Finder actions to know by heart</i>	25
Chế độ Column View — bạn nên dùng nhiều nhất — <i>Column View — the mode you should use most</i>	25
4.3. Tìm kiếm và sắp xếp thông minh — <i>Smart search and sorting</i>	26
4.4. Dock — cấu hình cho hiệu quả — <i>Dock — setting it up for efficiency</i>	26
4.5. iCloud Drive và đồng bộ đám mây — <i>iCloud Drive and cloud sync</i>	26
4.6. Ổ cứng ngoài và định dạng — <i>External drives and formats</i>	27
Định dạng lại ổ bằng Disk Utility — <i>Reformat a drive with Disk Utility</i>	27
Tháo ổ đúng cách — <i>Ejecting a drive properly</i>	28
Chương 5. Cài đặt và quản lý phần mềm — <i>Chapter 5. Installing and managing software</i>	29
5.1. Ba cách cài phần mềm trên macOS — <i>Three ways to install software on macOS</i>	29
5.2. Gỡ phần mềm cho sạch — <i>Uninstalling software cleanly</i>	29
Các nơi cần dọn thủ công — <i>Places to clean up manually</i>	29
Cách nhanh hơn — <i>A faster way</i>	30
5.3. Gatekeeper và lỗi "app bị hỏng" — <i>Gatekeeper and the "app is damaged" error</i>	30
5.4. Rosetta 2 — chạy phần mềm Intel trên chip M1 — <i>Rosetta 2 — running Intel software on the M1 chip</i>	31
Cài Rosetta 2 — <i>Installing Rosetta 2</i>	31
Kiểm tra ứng dụng là bản ARM hay Intel — <i>Checking whether an app is an ARM or Intel build</i>	31
5.5. Terminal và zsh — nền tảng cho mọi việc tự động hoá — <i>Terminal and zsh — the foundation for all automation</i>	31
Kéo-thả thay cho gõ đường dẫn — <i>Drag and drop instead of typing paths</i>	32
Tệp cấu hình ~/.zshrc — <i>The ~/.zshrc configuration file</i>	33
5.6. Homebrew — trình quản lý gói không thể thiếu — <i>Homebrew — the essential package manager</i>	33
Cài đặt — <i>Installation</i>	33
Các lệnh Homebrew thường dùng — <i>Common Homebrew commands</i>	33
Bộ gói nên cài cho công việc sản xuất nội dung — <i>Recommended packages for content production</i>	34
Bật Touch ID cho lệnh sudo — <i>Enable Touch ID for sudo</i>	34
Chương 6. Sản xuất nhạc và video trên MacBook Pro M1 — <i>Chapter 6. Music and video production on the MacBook Pro M1</i>	35
6.1. M1 mạnh và yếu ở đâu trong công việc này — <i>Where the M1 is strong and weak for this work</i>	35
6.2. FFmpeg — cài đặt và kiểm tra tăng tốc phần cứng — <i>FFmpeg — installation and checking hardware acceleration</i>	35
6.3. Công thức FFmpeg thực dụng cho pipeline nhạc — <i>Practical FFmpeg recipes for a music pipeline</i>	36
A. Ghép một ảnh tĩnh với một bản nhạc thành video — <i>A. Combine a still image with a music track into a video</i>	36

B. Video dọc 9:16 cho Shorts / Reels / TikTok — <i>B. Vertical 9:16 video for Shorts / Reels / TikTok</i>	36
C. Slideshow nhiều ảnh theo nhạc — <i>C. Multi-image slideshow set to music</i>	36
D. Hiệu ứng sóng âm (audio visualizer) — <i>D. Sound wave effect (audio visualizer)</i>	36
E. Chuẩn hoá âm lượng theo chuẩn phát trực tuyến — <i>E. Normalise loudness to streaming standards</i>	37
F. Các thao tác lật vật hay dùng — <i>F. Common everyday operations</i>	37
6.4. Thông số xuất chuẩn theo từng nền tảng — <i>Standard export settings for each platform</i>	38
6.5. Phần mềm nên dùng trên M1 — <i>Recommended software on M1</i>	38
6.6. Quản lý dung lượng và nhiệt độ khi render — <i>Managing storage and temperature while rendering</i>	39
6.7. Môi trường Python cho pipeline tự động — <i>Python environment for automated pipelines</i>	40
Chương 7. Bảo mật, quyền riêng tư và sao lưu — <i>Chapter 7. Security, privacy and backup</i>	41
7.1. FileVault — mã hoá toàn bộ ổ đĩa — <i>FileVault — full-disk encryption</i>	41
7.2. Mật khẩu, Touch ID và ứng dụng Passwords — <i>Passwords, Touch ID and the Passwords app</i>	41
7.3. Gatekeeper, XProtect và quyền riêng tư — <i>Gatekeeper, XProtect and privacy</i>	42
Bảng quyền cần kiểm soát — <i>Permissions to control</i>	42
7.4. Tường lửa, Find My và các thiết lập khác — <i>Firewall, Find My and other settings</i>	43
7.5. Time Machine — sao lưu tự động — <i>Time Machine — automatic backup</i>	43
Thiết lập — <i>Setup</i>	43
Khôi phục — <i>Restore</i>	44
7.6. Chiến lược sao lưu 3-2-1 cho công việc sáng tạo — <i>3-2-1 backup strategy for creative work</i>	44
Đồng bộ dự án lên đám mây bằng rclone — <i>Syncing projects to the cloud with rclone</i>	45
Chương 8. Xử lý sự cố và bảo trì — <i>Chapter 8. Troubleshooting and maintenance</i>	46
8.1. Máy chạy chậm — <i>The machine is slow</i>	46
8.2. Hết dung lượng ổ cứng — <i>Running out of disk space</i>	46
Tìm nhanh những thư mục nặng nhất — <i>Quickly find the largest folders</i>	47
8.3. Pin và sạc — <i>Battery and charging</i>	48
8.4. Ứng dụng bị treo hoặc không mở được — <i>Apps freeze or will not open</i>	48
8.5. Wi-Fi, Bluetooth và thiết bị ngoại vi — <i>Wi-Fi, Bluetooth and peripherals</i>	49
8.6. Máy không khởi động được — <i>The machine will not start up</i>	49
8.7. Các chế độ khởi động trên Apple Silicon — <i>Startup modes on Apple Silicon</i>	50
Về NVRAM — <i>About NVRAM</i>	51
8.8. Cài lại macOS và xoá máy — <i>Reinstalling macOS and erasing the Mac</i>	51
Xoá sạch để bán máy hoặc bàn giao — <i>Erasing everything before selling or handing over the Mac</i> ..	51
Cài lại macOS mà không mất dữ liệu — <i>Reinstalling macOS without losing data</i>	51
8.9. Lịch bảo trì định kỳ — <i>Regular maintenance schedule</i>	51
Vệ sinh máy đúng cách — <i>Cleaning the Mac properly</i>	52
Chương 9. Mẹo tăng năng suất — <i>Chapter 9. Productivity tips</i>	53
9.1. Spotlight — công cụ trung tâm — <i>Spotlight — the central tool</i>	53
Nâng cấp: Raycast hoặc Alfred — <i>Upgrade: Raycast or Alfred</i>	53

9.2. Quản lý cửa sổ và không gian làm việc — <i>Managing windows and workspaces</i>	53
9.3. Liên thông với iPhone và iPad — <i>Continuity with iPhone and iPad</i>	54
9.4. Preview — ứng dụng bị đánh giá thấp nhất trên Mac — <i>Preview — the most underrated app on the Mac</i>	55
9.5. Nhập liệu nhanh: gõ tắt, đọc chính tả, clipboard — <i>Fast input: text replacement, dictation, clipboard</i>	56
9.6. Tự động hoá: Shortcuts, Automator và launchd — <i>Automation: Shortcuts, Automator and launchd</i>	56
Shortcuts (Phím tắt) — <i>Shortcuts</i>	56
Chạy script theo lịch bằng launchd — <i>Running scripts on a schedule with launchd</i>	57
9.7. Focus, thông báo và tập trung — <i>Focus, notifications and concentration</i>	57
9.8. Mười thiết lập nên đổi ngay trên máy mới — <i>Ten settings to change right away on a new Mac</i>	58
Phụ lục A. Bảng phím tắt tổng hợp — <i>Appendix A. Keyboard shortcut summary</i>	59
A.1. Hệ thống — <i>System</i>	59
A.2. Finder	59
A.3. Soạn thảo văn bản — <i>Text editing</i>	60
A.4. Ảnh chụp và quay màn hình — <i>Screenshots and screen recording</i>	60
Phụ lục B. Thuật ngữ song ngữ Việt – Anh — <i>Appendix B. Vietnamese – English bilingual glossary</i>	62
Phụ lục C. Lệnh tra cứu nhanh — <i>Appendix C. Quick command reference</i>	64
C.1. Hệ thống và chẩn đoán — <i>System and diagnostics</i>	64
C.2. Tập và thư mục — <i>Files and folders</i>	64
C.3. Homebrew	64
C.4. FFmpeg dùng ngay — <i>Ready-to-use FFmpeg</i>	64
C.5. Danh sách kiểm tra khi máy có vấn đề — <i>Checklist when the Mac has a problem</i>	65
C.6. Ghi nhớ cuối cùng — <i>Final reminders</i>	66

Chương 1. Làm quen với MacBook Pro M1 — Chapter 1. Getting to know the MacBook Pro M1

MacBook Pro M1 là chiếc máy Mac đầu tiên chạy chip Apple Silicon do Apple tự thiết kế, ra mắt cuối năm 2020. Việc chuyển từ kiến trúc Intel x86 sang kiến trúc ARM đã thay đổi căn bản cách máy vận hành: nhanh hơn, mát hơn, pin lâu hơn, nhưng cũng kéo theo một số khác biệt về phần mềm và cách khắc phục sự cố mà bạn cần nắm rõ. Chương này giúp bạn hiểu chiếc máy trong tay trước khi đi vào các thao tác cụ thể.

The MacBook Pro M1 is the first Mac to run an Apple Silicon chip designed in-house by Apple, launched in late 2020. The move from the Intel x86 architecture to the ARM architecture fundamentally changed how the machine works: faster, cooler, longer battery life, but it also brought some differences in software and troubleshooting that you need to understand clearly. This chapter helps you understand the machine in your hands before moving on to specific tasks.

1.1. Thông số phần cứng cần biết — Hardware specifications to know

Thành phần / Component	Thông số MacBook Pro 13" M1 (2020) <i>MacBook Pro 13" M1 (2020) specifications</i>
Chip (SoC)	Apple M1 — 8 nhân CPU (4 nhân hiệu năng Firestorm + 4 nhân tiết kiệm điện Icestorm), 8 nhân GPU, 16 nhân Neural Engine, tiến trình 5nm <i>Apple M1 — 8 CPU cores (4 Firestorm performance cores + 4 Icestorm efficiency cores), 8 GPU cores, 16 Neural Engine cores, 5nm process</i>
Bộ nhớ Unified Memory	8 GB hoặc 16 GB LPDDR4X — hàn chết trên SoC, không thể nâng cấp . CPU, GPU và Neural Engine dùng chung một vùng nhớ nên không có khái niệm "VRAM riêng" <i>8 GB or 16 GB LPDDR4X — soldered onto the SoC, cannot be upgraded. The CPU, GPU and Neural Engine share one memory pool, so there is no such thing as "dedicated VRAM"</i>
Ổ cứng SSD	256 GB / 512 GB / 1 TB / 2 TB NVMe — không thể tự thay thế <i>256 GB / 512 GB / 1 TB / 2 TB NVMe — not user-replaceable</i>
Màn hình Display	13,3 inch Retina, 2560 × 1600 (227 ppi), độ sáng 500 nits, dải màu P3, True Tone <i>13.3-inch Retina, 2560 × 1600 (227 ppi), 500 nits brightness, P3 wide colour, True Tone</i>
Cổng kết nối Ports	Chỉ 2 cổng Thunderbolt / USB 4 (USB-C) ở cạnh trái + 1 jack tai nghe 3,5 mm. Không có HDMI, không khe thẻ SD, không MagSafe <i>Only 2 Thunderbolt / USB 4 (USB-C) ports on the left side + 1 3.5 mm headphone jack. No HDMI, no SD card slot, no MagSafe</i>
Bàn phím <i>Keyboard</i>	Magic Keyboard cơ chế cắt kéo + Touch Bar + Touch ID <i>Scissor-mechanism Magic Keyboard + Touch Bar + Touch ID</i>
Pin / Battery	58,2 Wh — tối đa khoảng 17 giờ duyệt web, 20 giờ xem phim. Sạc 61 W USB-C <i>58.2 Wh — up to about 17 hours of web browsing, 20 hours of video playback. 61 W USB-C charger</i>
Tản nhiệt <i>Cooling</i>	Có quạt chủ động (khác MacBook Air M1 tản nhiệt thụ động) nên giữ được hiệu năng cao khi render video dài <i>Has an active fan (unlike the fanless MacBook Air M1), so it sustains high performance during long video renders</i>
Màn hình ngoài <i>External display</i>	Chỉ hỗ trợ 1 màn hình ngoài tối đa 6K@60Hz qua Thunderbolt. Muốn 2 màn hình cần dock DisplayLink <i>Supports only 1 external display up to 6K@60Hz via Thunderbolt. Two displays require a DisplayLink dock</i>

Thành phần / Component	Thông số MacBook Pro 13" M1 (2020) <i>MacBook Pro 13" M1 (2020) specifications</i>
Wi-Fi / Bluetooth	Wi-Fi 6 (802.11ax), Bluetooth 5.0

GHI CHÚ — Hai giới hạn quan trọng nhất của M1 đời đầu: **RAM không nâng cấp được** và **chỉ xuất được một màn hình ngoài**. Nếu bạn thường xuyên dựng video 4K nhiều lớp hoặc chạy nhiều máy ảo, hãy tính đến hai điểm này khi lập kế hoạch công việc.

NOTE — *The two most important limitations of the first-generation M1: **RAM cannot be upgraded** and **only one external display is supported**. If you regularly edit multi-layer 4K video or run many virtual machines, factor in these two points when planning your work.*

Cách kiểm tra chính xác cấu hình máy của bạn — *How to check your machine's exact configuration*

- Nhấn biểu tượng (Apple) ở góc trên bên trái màn hình.
Click the (Apple) icon in the upper-left corner of the screen.
- Chọn **About This Mac** (Giới thiệu về máy Mac này).
*Choose **About This Mac**.*
- Cửa sổ hiện ra cho biết: tên model, chip, dung lượng bộ nhớ, số sê-ri và phiên bản macOS.
The window that appears shows: model name, chip, memory size, serial number and macOS version.
- Nhấn **More Info...** để mở System Settings → General → About, nơi có nút **System Report** hiển thị báo cáo phần cứng chi tiết.
*Click **More Info...** to open System Settings → General → About, which has a **System Report** button showing a detailed hardware report.*

Cách nhanh hơn bằng dòng lệnh — mở **Terminal** và gõ:

*A faster way from the command line — open **Terminal** and type:*

```
# Thông tin chip, số nhân, model
# Chip info, core count, model
system_profiler SPHardwareDataType

# Kiểm tra kiến trúc (arm64 = Apple Silicon)
# Check architecture (arm64 = Apple Silicon)
uname -m

# Dung lượng RAM tính bằng byte
# RAM size in bytes
sysctl hw.memsize
```

1.2. Nhận diện cổng kết nối và phụ kiện cần có — *Identifying ports and essential accessories*

Vì máy chỉ có hai cổng USB-C, một chiếc **hub / dock USB-C** gần như là phụ kiện bắt buộc. Khi chọn hub, hãy ưu tiên loại có Power Delivery (PD) xuyên suốt để vừa sạc máy vừa dùng thiết bị ngoại vi.

*Because the machine has only two USB-C ports, a **USB-C hub / dock** is almost a mandatory accessory. When choosing a hub, prefer one with pass-through Power Delivery (PD) so you can charge the machine and use peripherals at the same time.*

Nhu cầu <i>Need</i>	Phụ kiện nên có <i>Recommended accessory</i>
Sạc máy <i>Charging</i>	Củ sạc USB-C 61 W trở lên. Củ 30 W vẫn sạc được nhưng chậm và có thể không đủ khi máy đang render <i>USB-C charger of 61 W or more. A 30 W charger still works but charges slowly and may not keep up while the machine is rendering</i>

Nhu cầu <i>Need</i>	Phụ kiện nên có <i>Recommended accessory</i>
Mở rộng cổng <i>Port expansion</i>	Hub USB-C 7-in-1: HDMI, 2× USB-A, đọc thẻ SD/microSD, LAN, PD 100 W <i>7-in-1 USB-C hub: HDMI, 2× USB-A, SD/microSD card reader, LAN, 100 W PD</i>
Lưu trữ ngoài <i>External storage</i>	SSD gắn ngoài NVMe qua USB 3.2 / Thunderbolt — bắt buộc nếu bạn dựng video thường xuyên <i>External NVMe SSD via USB 3.2 / Thunderbolt — essential if you edit video regularly</i>
Hai màn hình ngoài <i>Two external displays</i>	Dock có chip DisplayLink kèm phần mềm driver (M1 không hỗ trợ 2 màn hình theo cách thông thường) <i>Dock with a DisplayLink chip plus driver software (M1 does not support 2 displays the usual way)</i>
Âm thanh <i>Audio</i>	Audio interface USB-C hoặc USB-A qua hub nếu thu âm; máy có sẵn 3 micro và loa stereo chất lượng tốt <i>USB-C audio interface, or USB-A via a hub, for recording; the machine has 3 built-in microphones and good-quality stereo speakers</i>

1.3. Thiết lập lần đầu (Setup Assistant) — *First-time setup (Setup Assistant)*

Khi khởi động lần đầu, macOS chạy trình **Setup Assistant** hướng dẫn từng bước. Các lựa chọn dưới đây nên được cân nhắc kỹ vì chúng ảnh hưởng lâu dài.

*On first startup, macOS runs **Setup Assistant**, which guides you step by step. The choices below deserve careful thought because they have long-term effects.*

Bước thiết lập <i>Setup step</i>	Khuyến nghị <i>Recommendation</i>
Ngôn ngữ & khu vực <i>Language & Region</i>	Chọn English (US) cho hệ thống nếu bạn làm việc với tài liệu kỹ thuật và tra cứu lỗi bằng tiếng Anh — mọi hướng dẫn trên mạng đều dùng tên menu tiếng Anh. Sau đó thêm tiếng Việt vào danh sách ngôn ngữ ưu tiên và đặt Region = Vietnam để có định dạng ngày giờ, tiền tệ đúng <i>Choose English (US) for the system if you work with technical documents and look up errors in English — all online guides use English menu names. Then add Vietnamese to the preferred languages list and set Region = Vietnam to get the correct date, time and currency formats</i>
Migration Assistant	Nếu chuyển từ máy Windows, chọn From a Windows PC ở bước này (xem mục 2.5). Nếu không, chọn Not Now — vẫn chạy lại được sau <i>If you are moving from a Windows computer, choose From a Windows PC at this step (see section 2.5). Otherwise, choose Not Now — you can still run it later</i>
Apple Account (Apple ID)	Đăng nhập bằng tài khoản chính. Bật xác thực hai lớp. Đây là tài khoản khoá máy (Activation Lock) nên tuyệt đối không quên mật khẩu <i>Sign in with your main account. Turn on two-factor authentication. This is the account that locks the machine (Activation Lock), so never forget the password</i>
FileVault	Bật. Trên Apple Silicon, mã hoá gần như không ảnh hưởng hiệu năng vì có bộ tăng tốc mã hoá phần cứng. Xem mục 7.1 <i>Turn on. On Apple Silicon, encryption has almost no performance impact thanks to the hardware encryption accelerator. See section 7.1</i>
Touch ID	Đăng ký ít nhất 2 vân tay (một ngón trỏ, một ngón cái) cho mỗi tay bạn hay dùng <i>Register at least 2 fingerprints (one index finger, one thumb) for each hand you use often</i>

Bước thiết lập <i>Setup step</i>	Khuyến nghị <i>Recommendation</i>
iCloud Desktop & Documents	Cần nhắc kỹ, nên tắt lúc đầu. Tính năng này đồng bộ toàn bộ Desktop và Documents lên iCloud; nếu dung lượng iCloud không đủ, tệp sẽ bị "tải xuống theo yêu cầu" và làm hỏng các quy trình tự động (script, FFmpeg) khi tệp chỉ còn là placeholder <i>Think carefully; best turned off at first. This feature syncs your entire Desktop and Documents to iCloud; if iCloud storage is insufficient, files become "download on demand" and break automated workflows (scripts, FFmpeg) when a file is only a placeholder</i>
Siri & Analytics	Tuỳ chọn. Có thể tắt hết rồi bật sau trong System Settings <i>Optional. You can turn everything off and enable it later in System Settings</i>

1.4. Phiên bản macOS và lộ trình cập nhật — *macOS versions and the update roadmap*

Tính đến tháng 9 năm 2026, MacBook Pro M1 của bạn nằm trong danh sách hỗ trợ đầy đủ của cả hai phiên bản macOS gần nhất:

As of September 2026, your MacBook Pro M1 is on the full support list for both of the latest macOS versions:

Phiên bản <i>Version</i>	Thời điểm <i>Timing</i>	Điểm cần biết với máy M1 <i>What to know for M1 machines</i>
macOS 26 Tahoe	Ra mắt 15/9/2025 <i>Released 15/9/2025</i>	Giao diện mới Liquid Glass , thanh menu trong suốt, Spotlight được nâng cấp lớn (quick actions, quick keys), ứng dụng Phone trên Mac, mục Applications thay cho Launchpad. Đây là phiên bản macOS cuối cùng hỗ trợ máy Mac chạy Intel — máy M1 của bạn không bị ảnh hưởng <i>New Liquid Glass design, transparent menu bar, a major Spotlight upgrade (quick actions, quick keys), the Phone app on Mac, and Applications replacing Launchpad. This is the last macOS version to support Intel-based Macs — your M1 machine is not affected</i>
macOS 27 Golden Gate	Dự kiến giữa tháng 9/2026 <i>Expected mid-September 2026</i>	Chỉ chạy trên máy Apple Silicon — M1 vẫn được hỗ trợ . Siri được viết lại, Visual Intelligence, tinh chỉnh Liquid Glass (có tùy chọn giảm độ trong suốt), công cụ ảnh AI Clean Up / Extend / Reframe <i>Runs only on Apple Silicon Macs — M1 is still supported. Rewritten Siri, Visual Intelligence, Liquid Glass refinements (with an option to reduce transparency), AI photo tools Clean Up / Extend / Reframe</i>

CẢNH BÁO — Đừng nâng cấp lên phiên bản macOS lớn (major) ngay tuần đầu nếu bạn đang phụ thuộc vào công cụ sản xuất (FFmpeg, Homebrew, plugin âm thanh, driver audio interface). Hãy chờ bản .1 hoặc .2 và kiểm tra nhà cung cấp phần mềm đã tương thích chưa. Luôn có bản Time Machine mới nhất trước khi nâng cấp.

WARNING — Do not upgrade to a major macOS version in the first week if you depend on production tools (FFmpeg, Homebrew, audio plug-ins, audio interface drivers). Wait for the .1 or .2 release and check whether the software vendors are compatible yet. Always have an up-to-date Time Machine backup before upgrading.

Cách cập nhật — *How to update*

- **System Settings → General → Software Update.**
- Nhấn mũi tên cạnh **Automatic Updates** để bật riêng: tải bản cập nhật bảo mật tự động nhưng **không** tự cài bản macOS mới.

*Click the arrow next to **Automatic Updates** to turn options on individually: download security updates automatically but **do not** install new macOS versions automatically.*

- Bản vá bảo mật khẩn (Rapid Security Response) cài rất nhanh và nên bật — chúng không thay đổi phiên bản hệ điều hành.

Urgent security patches (Rapid Security Response) install very quickly and should be turned on — they do not change the operating system version.

Chương 2. Từ Windows sang macOS — Bản đồ chuyển đổi — Chapter 2. From Windows to macOS — A conversion map

Đây là chương quan trọng nhất với người mới chuyển máy. Hầu hết khó chịu ban đầu không đến từ việc macOS khó dùng, mà từ việc các phản xạ hình thành trong nhiều năm dùng Windows bỗng cho ra kết quả khác. Khi hiểu được "bản đồ" tương ứng, bạn sẽ làm chủ máy trong vài ngày thay vì vài tháng.

This is the most important chapter for new switchers. Most early frustration does not come from macOS being hard to use, but from reflexes built over years of using Windows suddenly producing different results. Once you understand the corresponding "map", you will master the machine in a few days instead of a few months.

2.1. Bảng đối chiếu khái niệm Windows ↔ macOS — Windows ↔ macOS concept comparison table

Windows	macOS	Ghi chú Notes
File Explorer	Finder	Biểu tượng mặt cười ở đầu Dock, không bao giờ đóng được hoàn toàn <i>The smiley-face icon at the start of the Dock; it can never be fully closed</i>
Desktop / Taskbar	Desktop / Dock	Dock nằm dưới đáy, kết hợp Start Menu + Taskbar <i>The Dock sits at the bottom, combining the Start Menu + Taskbar</i>
Start Menu	Spotlight (Cmd + Space) hoặc Applications <i>Spotlight (Cmd + Space) or Applications</i>	Trên macOS, gõ tên ứng dụng qua Spotlight nhanh hơn nhiều so với tìm biểu tượng <i>On macOS, typing an app's name in Spotlight is much faster than hunting for its icon</i>
System tray	Thanh menu góc phải + Control Center <i>Right side of the menu bar + Control Center</i>	Ứng dụng nền hiển thị ở góc trên bên phải chứ không phải góc dưới <i>Background apps appear in the upper-right corner, not the lower corner</i>
Control Panel / Settings	System Settings	Từ macOS 13 trở đi bố cục giống iPhone, có ô tìm kiếm ở góc trên bên trái <i>From macOS 13 onwards the layout resembles the iPhone, with a search box in the upper-left corner</i>
Task Manager (Ctrl+Shift+Esc)	Activity Monitor	Có thêm tab Energy và tab Cache <i>Has extra Energy and Cache tabs</i>
Force close	Force Quit (Cmd + Option + Esc)	Tương đương End Task <i>Equivalent to End Task</i>
Command Prompt / PowerShell	Terminal (shell mặc định là zsh) <i>Terminal (the default shell is zsh)</i>	macOS là hệ Unix thật, không cần WSL <i>macOS is a true Unix system; no WSL needed</i>
Registry	Tệp .plist trong ~/Library/Preferences <i>.plist files in ~/Library/Preferences</i>	Sửa bằng lệnh <code>defaults write</code> <i>Edit with the defaults write command</i>
C:\ , D:\	Một cây thư mục duy nhất bắt đầu từ / <i>A single directory tree starting at /</i>	Ổ ngoài gắn vào /Volumes/<tên ổ> <i>External drives mount at /Volumes/<drive name></i>

Windows	macOS	Ghi chú Notes
C:\Program Files	/Applications	Hầu hết ứng dụng chỉ là một gói .app duy nhất <i>Most apps are just a single .app bundle</i>
C:\Users\<tên> <i>C:\Users\<name></i>	/Users/<tên> hay viết tắt ~ <i>/Users/<name> or abbreviated ~</i>	Ký hiệu ~ dùng khắp nơi trong Terminal <i>The ~ symbol is used everywhere in Terminal</i>
AppData	~/Library	Thư mục này bị ẩn mặc định <i>This folder is hidden by default</i>
Tệp .exe / .msi <i>.exe / .msi files</i>	.dmg, .pkg, .app	Xem mục 5.1 <i>See section 5.1</i>
Recycle Bin	Trash (Thùng rác) <i>Trash</i>	Nằm ở cuối Dock <i>At the end of the Dock</i>
Alt + Tab	Cmd + Tab	Chuyển giữa ỨNG DỤNG, không phải cửa sổ. Chuyển cửa sổ trong cùng ứng dụng: Cmd + ` <i>Switches between APPS, not windows. To switch windows within the same app: Cmd + `</i>
Ctrl + C / V / Z / S	Cmd + C / V / Z / S	Phím Ctrl gần như bị thay thế bởi Cmd <i>The Ctrl key is largely replaced by Cmd</i>
Print Screen / Snipping Tool	Cmd + Shift + 5	Công cụ chụp và quay màn hình tích hợp <i>Built-in screenshot and screen recording tool</i>
Notepad	TextEdit	Nhớ chuyển sang Plain Text: Format → Make Plain Text <i>Remember to switch to Plain Text: Format → Make Plain Text</i>
Paint / Photos	Preview	Xem ảnh, PDF, cắt, xoay, ký tên, xoá nền <i>View images and PDFs, crop, rotate, sign, remove backgrounds</i>
Task Scheduler	launchd + ứng dụng Shortcuts <i>launchd + the Shortcuts app</i>	Xem mục 9.6 <i>See section 9.6</i>
Device Manager	System Information (System Report)	Chỉ để xem, không quản lý driver như Windows <i>View only; does not manage drivers like Windows</i>
Disk Management	Disk Utility	Định dạng, phân vùng, kiểm tra ổ (First Aid) <i>Format, partition, check drives (First Aid)</i>
Windows Defender	XProtect + Gatekeeper	Chạy ngầm, không có giao diện. Xem mục 7.3 <i>Runs in the background with no interface. See section 7.3</i>
BitLocker	FileVault	Mã hoá toàn ổ <i>Full-disk encryption</i>
Windows Update	Software Update	Trong System Settings → General

2.2. Mười thói quen bắt buộc phải đổi — *Ten habits you must change*

1) Nút X không thoát ứng dụng — *The X button does not quit the app*

Trên Windows, đóng cửa sổ cuối cùng là thoát chương trình. Trên macOS, nút tròn đỏ chỉ **đóng cửa sổ**; ứng dụng vẫn chạy (chấm nhỏ dưới biểu tượng ở Dock). Muốn thoát hẳn, dùng **Cmd + Q** hoặc menu ứng dụng → Quit. Đây là nguyên nhân số một khiến người mới thấy máy "chậm dần" — hàng chục ứng dụng vẫn chạy nền.

*On Windows, closing the last window quits the program. On macOS, the red circle button only **closes the window**; the app keeps running (a small dot under its icon in the Dock). To quit completely, use **Cmd + Q** or the app menu → Quit. This is the number one reason newcomers find the machine "getting slower" — dozens of apps are still running in the background.*

2) Nút xanh là toàn màn hình, không phải phóng to — *The green button means full screen, not maximise*

Nút tròn xanh đưa ứng dụng vào chế độ **Full Screen** riêng biệt (một Space mới). Nếu chỉ muốn phóng to cửa sổ trong màn hình hiện tại, **giữ phím Option rồi bấm nút xanh**, hoặc nhấp đúp vào thanh tiêu đề. Từ macOS 15 trở đi, bạn có thể kéo cửa sổ vào cạnh màn hình để chia đôi giống Windows Snap.

*The green circle button puts the app into a separate **Full Screen** mode (a new Space). If you only want to enlarge the window on the current screen, **hold the Option key and click the green button**, or double-click the title bar. From macOS 15 onwards, you can drag a window to the edge of the screen to split it in half, like Windows Snap.*

3) Không có "Cut" tệp trong Finder — *There is no "Cut" for files in Finder*

Bạn không thể Cmd + X một tệp. Cách làm đúng: **Cmd + C** để sao chép, rồi **Cmd + Option + V** ở đích để "Move Item Here" (di chuyển thay vì sao chép).

*You cannot Cmd + X a file. The correct way: **Cmd + C** to copy, then **Cmd + Option + V** at the destination to "Move Item Here" (move instead of copy).*

4) Phím Delete là Backspace — *The Delete key is Backspace*

Phím **delete** trên Mac xóa ký tự phía trước con trỏ (giống Backspace). Muốn xóa ký tự phía sau (Delete của Windows), nhấn **Fn + Delete**. Xóa tệp trong Finder: **Cmd + Delete**.

*The **delete** key on a Mac deletes the character before the cursor (like Backspace). To delete the character after it (Windows Delete), press **Fn + Delete**. To delete a file in Finder: **Cmd + Delete**.*

5) Home / End không nhảy đầu dòng — *Home / End do not jump to the start of the line*

Trên Mac, **Fn + ←** (Home) nhảy về đầu tài liệu chứ không phải đầu dòng. Để về đầu dòng, dùng **Cmd + ←**; cuối dòng **Cmd + →**; đầu tài liệu **Cmd + ↑**; cuối tài liệu **Cmd + ↓**.

*On a Mac, **Fn + ←** (Home) jumps to the start of the document, not the start of the line. To go to the start of the line, use **Cmd + ←**; end of line **Cmd + →**; start of document **Cmd + ↑**; end of document **Cmd + ↓**.*

6) Cuộn "tự nhiên" ngược chiều — *"Natural" scrolling runs the other way*

Mặc định, vuốt hai ngón lên thì nội dung đi lên — giống điện thoại, ngược với chuột Windows. Nếu khó chịu: **System Settings → Trackpad → Scroll & Zoom → tắt Natural scrolling**. Lưu ý macOS đặt chung một thiết lập cho cả chuột và trackpad ở phiên bản cũ; các bản mới cho chỉnh riêng trong mục Mouse.

*By default, swiping two fingers up moves the content up — like a phone, the opposite of a Windows mouse. If it bothers you: **System Settings → Trackpad → Scroll & Zoom → turn off Natural scrolling**. Note that older macOS versions share one setting for both mouse and trackpad; newer versions let you adjust it separately under Mouse.*

7) Menu ứng dụng nằm trên cùng màn hình — *The app menu is at the top of the screen*

Mỗi ứng dụng không có thanh menu riêng trong cửa sổ. Thanh menu luôn ở đỉnh màn hình và **thay đổi theo ứng dụng đang được kích hoạt**. Nếu bấm menu mà thấy sai lệnh, hãy kiểm tra tên ứng dụng in đậm bên cạnh biểu tượng.

*Apps do not have their own menu bar inside the window. The menu bar is always at the top of the screen and **changes with the active app**. If a menu shows the wrong commands, check the bold app name next to the icon.*

8) Cài phần mềm là kéo–thả, gỡ phần mềm không có "Add/Remove Programs" — *Installing software is drag-and-drop; uninstalling has no "Add/Remove Programs"*

Xem chi tiết ở mục 5.1 và 5.2. Điểm cần nhớ ngay: kéo ứng dụng vào Trash là gỡ, nhưng còn sót tệp cấu hình trong ~/Library.

See details in sections 5.1 and 5.2. The key point to remember now: dragging an app to the Trash uninstalls it, but configuration files are left behind in ~/Library.

9) Chuột phải cần bật hoặc dùng hai ngón — *Right-click must be enabled, or use two fingers*

Trên trackpad, **chạm hai ngón** = chuột phải. Nếu chưa hoạt động: System Settings → Trackpad → Point & Click → **Secondary click** → **Click or Tap with Two Fingers**. Nhân tiện, hãy bật luôn **Tap to click** để chạm nhẹ là chọn, không cần nhấn lún.

*On the trackpad, a **two-finger tap** = right-click. If it does not work: System Settings → Trackpad → Point & Click → **Secondary click** → **Click or Tap with Two Fingers**. While you are there, also turn on **Tap to click** so a light tap selects without pressing down.*

10) Ổ NTFS chỉ đọc được, không ghi được — *NTFS drives are read-only, not writable*

macOS đọc được ổ cứng NTFS của Windows nhưng **không ghi được**. Nếu cần dùng chung ổ giữa Mac và PC, hãy định dạng ổ thành **exFAT**. Xem mục 4.6.

*macOS can read Windows NTFS drives but **cannot write to them**. If you need to share a drive between a Mac and a PC, format it as **exFAT**. See section 4.6.*

2.3. Bảng quy đổi phím tắt Windows → macOS — *Windows → macOS keyboard shortcut conversion table*

Thao tác <i>Action</i>	Windows	macOS
Sao chép / Dán / Hoàn tác <i>Copy / Paste / Undo</i>	Ctrl + C / V / Z	Cmd + C / V / Z
Làm lại (Redo) <i>Redo</i>	Ctrl + Y	Cmd + Shift + Z
Lưu / Mở / In <i>Save / Open / Print</i>	Ctrl + S / O / P	Cmd + S / O / P
Tìm trong tài liệu <i>Find in document</i>	Ctrl + F	Cmd + F
Chọn tất cả <i>Select all</i>	Ctrl + A	Cmd + A
Đóng cửa sổ <i>Close window</i>	Ctrl + W hoặc Alt + F4 <i>Ctrl + W or Alt + F4</i>	Cmd + W (đóng) / Cmd + Q (thoát hẳn) <i>Cmd + W (close) / Cmd + Q (quit completely)</i>
Chuyển ứng dụng <i>Switch apps</i>	Alt + Tab	Cmd + Tab

Thao tác <i>Action</i>	Windows	macOS
Chuyển cửa sổ cùng app <i>Switch windows in the same app</i>	Ctrl + Tab	Cmd + ` (phím trên Tab) <i>Cmd + ` (key above Tab)</i>
Thu nhỏ cửa sổ <i>Minimise window</i>	Win + ↓	Cmd + M
Ẩn ứng dụng <i>Hide app</i>	—	Cmd + H (ẩn app) / Cmd + Option + H (ẩn các app khác) <i>Cmd + H (hide app) / Cmd + Option + H (hide other apps)</i>
Khoá màn hình <i>Lock screen</i>	Win + L	Cmd + Ctrl + Q
Mở trình quản lý tiến trình <i>Open the process manager</i>	Ctrl + Shift + Esc	Cmd + Option + Esc
Chụp toàn màn hình <i>Capture the entire screen</i>	PrtSc	Cmd + Shift + 3
Chụp vùng chọn <i>Capture a selected area</i>	Win + Shift + S	Cmd + Shift + 4
Công cụ chụp / quay <i>Screenshot / recording tool</i>	Win + G	Cmd + Shift + 5
Tìm kiếm hệ thống <i>System search</i>	Win	Cmd + Space (Spotlight)
Xoá tệp <i>Delete file</i>	Delete	Cmd + Delete
Xoá vĩnh viễn <i>Delete permanently</i>	Shift + Delete	Cmd + Option + Delete
Đổi tên tệp <i>Rename file</i>	F2	Return (Enter)
Mở tệp <i>Open file</i>	Enter	Cmd + ↓ hoặc Cmd + O <i>Cmd + ↓ or Cmd + O</i>
Lên thư mục cha <i>Go to parent folder</i>	Alt + ↑	Cmd + ↑
Xem thuộc tính tệp <i>View file properties</i>	Alt + Enter	Cmd + I (Get Info)
Xem trước nhanh <i>Quick preview</i>	—	Space (Quick Look) — rất tiện, không có trên Windows <i>Space (Quick Look) — very handy, not available on Windows</i>
Emoji / ký tự đặc biệt <i>Emoji / special characters</i>	Win + .	Cmd + Ctrl + Space

GHI CHÚ — Quy tắc ghi nhớ: hầu hết mọi phím tắt Ctrl trên Windows đổi thành **Cmd** (⌘) trên Mac. Ngoại lệ đáng nhớ là các phím tắt trong Terminal (Ctrl + C ngắt lệnh, Ctrl + D thoát) — nơi Ctrl vẫn giữ nguyên vai trò Unix.

NOTE — Rule of thumb: almost every Ctrl shortcut on Windows becomes **Cmd** (⌘) on a Mac. The notable exceptions are shortcuts in Terminal (Ctrl + C interrupts a command, Ctrl + D exits) — where Ctrl keeps its Unix role.

2.4. Gõ tiếng Việt trên macOS — *Typing Vietnamese on macOS*

macOS có sẵn bộ gõ tiếng Việt hỗ trợ Telex, VNI và Simple Telex. Với đa số người dùng văn phòng, bộ gõ tích hợp là đủ và ổn định nhất vì được Apple ký số, không bị hệ thống chặn quyền.

macOS has a built-in Vietnamese input method supporting Telex, VNI and Simple Telex. For most office users, the built-in input method is sufficient and the most stable because it is digitally signed by Apple and is not blocked by system permissions.

Bật bộ gõ tích hợp — *Enable the built-in input method*

1. Mở **System Settings** → **Keyboard** → **Text Input** → **Input Sources** → **Edit...**
*Open **System Settings** → **Keyboard** → **Text Input** → **Input Sources** → **Edit...***
2. Nhấn dấu +, chọn **Vietnamese**, chọn kiểu gõ **Telex** (hoặc VNI nếu bạn quen).
*Click the + sign, choose **Vietnamese**, and choose the **Telex** typing style (or VNI if you are used to it).*
3. Bật **Show Input menu in menu bar** để thấy biểu tượng cờ / chữ trên thanh menu.
*Turn on **Show Input menu in menu bar** to see the flag / letter icon in the menu bar.*
4. Chuyển qua lại giữa tiếng Anh và tiếng Việt bằng **Ctrl + Space** hoặc **Caps Lock** (bật tùy chọn "Use Caps Lock key to switch").
*Switch between English and Vietnamese with **Ctrl + Space** or **Caps Lock** (turn on the "Use Caps Lock key to switch" option).*

Khi nào nên dùng bộ gõ bên ngoài — *When to use a third-party input method*

Nếu bạn cần các tính năng nâng cao như tự sửa chính tả, gõ tắt, chuyển mã Unicode ↔ TCVN3, hoặc bộ gõ tích hợp gây lỗi trong một số ứng dụng (thường gặp ở app Electron và một số IDE), hãy dùng **EVKey** hoặc **OpenKey** — cả hai đều miễn phí, mã nguồn mở và có bản dựng riêng cho Apple Silicon.

*If you need advanced features such as spelling auto-correction, text shortcuts, Unicode ↔ TCVN3 conversion, or if the built-in input method causes errors in some apps (common in Electron apps and some IDEs), use **EVKey** or **OpenKey** — both are free, open source and have native builds for Apple Silicon.*

CẢNH BÁO — Bộ gõ bên ngoài cần quyền **Accessibility** và **Input Monitoring** trong System Settings → Privacy & Security. Nếu sau khi cập nhật macOS mà bộ gõ ngừng hoạt động, hãy vào đó **xoá ứng dụng khỏi danh sách rồi thêm lại** — đây là lỗi phổ biến nhất sau mỗi lần cập nhật.

WARNING — Third-party input methods need **Accessibility** and **Input Monitoring** permissions in System Settings → Privacy & Security. If the input method stops working after a macOS update, go there and **remove the app from the list, then add it again** — this is the most common problem after every update.

2.5. Chuyển dữ liệu từ máy Windows sang Mac — *Transferring data from a Windows computer to a Mac*

Apple cung cấp **Windows Migration Assistant** để chuyển tài liệu, email, danh bạ, lịch và tài khoản người dùng. Lưu ý: **ứng dụng Windows không thể chuyển được** — bạn phải cài lại phiên bản macOS của từng phần mềm.

*Apple provides **Windows Migration Assistant** to transfer documents, email, contacts, calendars and user accounts. Note: **Windows applications cannot be transferred** — you must reinstall the macOS version of each program.*

1. Trên máy Windows: tải **Windows Migration Assistant** từ trang hỗ trợ của Apple, chọn đúng phiên bản tương ứng với macOS trên máy Mac.
*On the Windows computer: download **Windows Migration Assistant** from Apple's support site, choosing the version that matches the macOS on the Mac.*
2. Nối hai máy vào **cùng một mạng** (khuyến nghị dùng dây LAN qua hub cho ổn định) và tắt phần mềm diệt virus, tường lửa trên máy Windows.

Connect both computers to **the same network** (a LAN cable through a hub is recommended for stability) and turn off antivirus software and the firewall on the Windows computer.

3. Trên máy Mac: mở **Migration Assistant** (Applications → Utilities) → chọn **From a Windows PC**.
*On the Mac: open **Migration Assistant** (Applications → Utilities) → choose **From a Windows PC**.*
4. Chạy Migration Assistant trên máy Windows, so khớp mã số hiển thị trên hai màn hình.
Run Migration Assistant on the Windows computer and match the code shown on both screens.
5. Chọn dữ liệu cần chuyển, nhấn **Continue** và để máy chạy — có thể mất nhiều giờ với dữ liệu lớn.
*Select the data to transfer, click **Continue** and let the machines run — it can take many hours for large amounts of data.*

Cách thủ công (thường nhanh và sạch hơn) — *The manual way (usually faster and cleaner)*

- Chép dữ liệu sang ổ cứng ngoài định dạng exFAT rồi cắm vào Mac.
*Copy the data to an **exFAT-formatted external drive**, then plug it into the Mac.*
- Hoặc dùng dịch vụ đám mây: Google Drive, OneDrive, Dropbox — đều có ứng dụng bản ARM cho Apple Silicon.
Or use a cloud service: Google Drive, OneDrive, Dropbox — all have ARM versions for Apple Silicon.
- Email: nếu dùng Outlook/Gmail qua IMAP, chỉ cần đăng nhập lại là toàn bộ thư về; không cần chuyển tệp .pst.
Email: if you use Outlook/Gmail via IMAP, just sign in again and all your mail comes back; no need to transfer .pst files.
- Trình duyệt: đăng nhập tài khoản Chrome/Edge/Firefox để đồng bộ bookmark và mật khẩu.
Browsers: sign in to your Chrome/Edge/Firefox account to sync bookmarks and passwords.
- Phông chữ: chép tệp .ttf/.otf từ C:\Windows\Fonts rồi mở bằng **Font Book** trên Mac để cài.
*Fonts: copy the .ttf/.otf files from C:\Windows\Fonts, then open them with **Font Book** on the Mac to install.*

GHI CHÚ — Tệp Microsoft Office mở tốt trên Mac bằng Microsoft 365 for Mac hoặc bộ **Pages / Numbers / Keynote** miễn phí của Apple. Tuy nhiên, tài liệu Word dùng phông chữ Windows đặc thù (VNI-Times, .VnTime, Times New Roman phiên bản Windows) có thể lệch bố cục — hãy cài phông tương ứng trước khi mở tài liệu quan trọng.

NOTE — Microsoft Office files open fine on a Mac with Microsoft 365 for Mac or Apple's free **Pages / Numbers / Keynote** suite. However, Word documents using Windows-specific fonts (VNI-Times, .VnTime, the Windows version of Times New Roman) may have layout shifts — install the matching fonts before opening important documents.

Chương 3. Bàn phím, phím tắt và Trackpad — Chapter 3. Keyboard, shortcuts and Trackpad

Trackpad của MacBook là phần cứng nổi bật nhất của máy và là lý do nhiều người dùng Mac không cần chuột rời. Kết hợp với hệ thống phím hỗ trợ nhất quán, bạn có thể điều khiển gần như toàn bộ hệ điều hành mà không rời tay khỏi bàn phím.

The MacBook's trackpad is the machine's standout piece of hardware and the reason many Mac users do not need a separate mouse. Combined with a consistent system of modifier keys, you can control almost the entire operating system without taking your hands off the keyboard.

3.1. Bốn phím hỗ trợ và ký hiệu của chúng — The four modifier keys and their symbols

Trong các menu của macOS, phím tắt được hiển thị bằng ký hiệu chứ không phải chữ. Thuộc bốn ký hiệu này là bạn đọc được mọi menu:

In macOS menus, shortcuts are shown as symbols rather than words. Learn these four symbols and you can read every menu:

Ký hiệu Symbol	Tên phím Key name	Vị trí trên bàn phím Position on the keyboard	Tương đương Windows Windows equivalent
⌘	Command (Cmd)	Hai bên phím Space <i>Both sides of the Space bar</i>	Ctrl (trong hầu hết trường hợp) <i>Ctrl (in most cases)</i>
⌥	Option (Alt)	Cạnh Command <i>Next to Command</i>	Alt
⌃	Control (Ctrl)	Góc dưới bên trái <i>Lower-left corner</i>	Ctrl (chỉ trong Terminal và một số ngữ cảnh) <i>Ctrl (only in Terminal and some contexts)</i>
⇧	Shift	Như thường lệ <i>As usual</i>	Shift
fn / 🌐	Function / Globe	Góc dưới bên trái cùng <i>Far lower-left corner</i>	Fn
⏏	Escape	Góc trên bên trái <i>Upper-left corner</i>	Esc
⌫	Delete	Góc trên bên phải <i>Upper-right corner</i>	Backspace
↵	Return	Enter lớn <i>Large Enter key</i>	Enter

3.2. Bộ phím tắt hệ thống thiết yếu — Essential system shortcuts

Phím tắt Shortcut	Chức năng Function
Cmd + Space	Mở Spotlight — công cụ tìm kiếm và khởi chạy ứng dụng. Phím tắt quan trọng nhất trên Mac <i>Open Spotlight — the tool for searching and launching apps. The most important shortcut on a Mac</i>

Phím tắt <i>Shortcut</i>	Chức năng <i>Function</i>
Cmd + Tab	Chuyển ứng dụng. Giữ Cmd và bấm Tab nhiều lần để chọn; bấm Q khi đang giữ Cmd để thoát app đang chọn <i>Switch apps. Hold Cmd and press Tab repeatedly to choose; press Q while holding Cmd to quit the selected app</i>
Cmd + `	Chuyển giữa các cửa sổ của cùng một ứng dụng <i>Switch between windows of the same app</i>
Cmd + Q	Thoát hẳn ứng dụng <i>Quit the app completely</i>
Cmd + W	Đóng cửa sổ / tab hiện tại <i>Close the current window / tab</i>
Cmd + M	Thu nhỏ cửa sổ xuống Dock <i>Minimise the window to the Dock</i>
Cmd + H	Ẩn ứng dụng hiện tại <i>Hide the current app</i>
Cmd + Option + H	Ẩn tất cả ứng dụng khác — dọn màn hình tức thì <i>Hide all other apps — instantly clears the screen</i>
Cmd + Option + Esc	Force Quit — thoát ứng dụng bị treo <i>Force Quit — quit a frozen app</i>
Cmd + Ctrl + Q	Khoá màn hình ngay lập tức <i>Lock the screen immediately</i>
Cmd + Ctrl + F	Bật/tắt chế độ toàn màn hình <i>Toggle full-screen mode</i>
Cmd + ,	Mở Settings / Preferences của ứng dụng đang chạy (chuẩn chung mọi app Mac) <i>Open the running app's Settings / Preferences (a common standard for all Mac apps)</i>
Cmd + Shift + 3	Chụp toàn màn hình <i>Capture the entire screen</i>
Cmd + Shift + 4	Chụp vùng chọn. Nhấn thêm Space rồi bấm để chụp riêng một cửa sổ <i>Capture a selected area. Press Space as well, then click to capture a single window</i>
Cmd + Shift + 5	Mở bảng điều khiển chụp ảnh và quay video màn hình <i>Open the screenshot and screen video recording control panel</i>
Cmd + Ctrl + Shift + 4	Chụp vùng chọn vào clipboard (không tạo tệp) <i>Capture a selected area to the clipboard (no file created)</i>
Cmd + Ctrl + Space	Bảng emoji và ký tự đặc biệt <i>Emoji and special characters panel</i>
Cmd + Option + D	Ẩn/hiện Dock <i>Show/hide the Dock</i>
Ctrl + ↑	Mission Control — xem toàn bộ cửa sổ đang mở <i>Mission Control — see all open windows</i>
Ctrl + ↓	App Exposé — xem mọi cửa sổ của ứng dụng hiện tại <i>App Exposé — see all windows of the current app</i>
Ctrl + ← / →	Chuyển giữa các không gian làm việc (Spaces) <i>Switch between workspaces (Spaces)</i>

Phím tắt <i>Shortcut</i>	Chức năng <i>Function</i>
F11 hoặc Fn + F11 <i>F11 or Fn + F11</i>	Hiện Desktop <i>Show Desktop</i>
Cmd + Shift + A	Mở thư mục Applications trong Finder <i>Open the Applications folder in Finder</i>
Cmd + Shift + U	Mở thư mục Utilities (nơi có Terminal, Disk Utility, Activity Monitor) <i>Open the Utilities folder (home of Terminal, Disk Utility, Activity Monitor)</i>

3.3. Phím tắt soạn thảo văn bản — *Text editing shortcuts*

Phím tắt <i>Shortcut</i>	Chức năng <i>Function</i>
Cmd + ← / →	Về đầu dòng / cuối dòng <i>Start of line / end of line</i>
Cmd + ↑ / ↓	Về đầu tài liệu / cuối tài liệu <i>Start of document / end of document</i>
Option + ← / →	Nhảy theo từng từ <i>Jump word by word</i>
Option + Delete	Xoá cả một từ phía trước <i>Delete the whole previous word</i>
Cmd + Delete	Xoá từ con trỏ về đầu dòng <i>Delete from the cursor to the start of the line</i>
Fn + Delete	Xoá ký tự phía sau con trỏ (Delete kiểu Windows) <i>Delete the character after the cursor (Windows-style Delete)</i>
Shift + bất kỳ phím di chuyển nào <i>Shift + any navigation key</i>	Bôi đen theo hướng đó <i>Select text in that direction</i>
Cmd + Shift + V	Dán giữ nguyên định dạng đích (Paste and Match Style) — cực hữu ích khi soạn thảo <i>Paste and match the destination formatting (Paste and Match Style) — extremely useful when editing text</i>
Ctrl + A / Ctrl + E	Về đầu dòng / cuối dòng (phím tắt kiểu Unix, dùng được trong hầu hết ô nhập liệu) <i>Go to the start / end of the line (Unix-style shortcuts, work in most text fields)</i>
Ctrl + K	Xoá từ con trỏ tới cuối dòng <i>Delete from the cursor to the end of the line</i>
Cmd + B / I / U	Đậm / nghiêng / gạch chân <i>Bold / italic / underline</i>
Cmd + + / -	Phóng to / thu nhỏ <i>Zoom in / zoom out</i>

3.4. Cử chỉ trackpad (Trackpad gestures)

Vào **System Settings** → **Trackpad** để xem video minh họa từng cử chỉ. Ba tùy chọn nên bật ngay: **Tap to click**, **Secondary click (two fingers)** và **Three finger drag** (nằm sâu trong Accessibility → Pointer Control → Trackpad Options).

*Go to **System Settings** → **Trackpad** to watch a demo video of each gesture. Three options to turn on right away: **Tap to click**, **Secondary click (two fingers)** and **Three finger drag** (buried in Accessibility → Pointer Control → Trackpad Options).*

Cử chỉ <i>Gesture</i>	Chức năng <i>Function</i>
Chạm 1 ngón <i>One-finger tap</i>	Nhấp chuột trái (khi đã bật Tap to click) <i>Left click (once Tap to click is on)</i>
Chạm 2 ngón <i>Two-finger tap</i>	Nhấp chuột phải <i>Right click</i>
Vuốt 2 ngón lên/xuống <i>Two-finger swipe up/down</i>	Cuộn trang <i>Scroll</i>
Vuốt 2 ngón trái/phải <i>Two-finger swipe left/right</i>	Quay lại / tiến tới trang trong trình duyệt và Finder <i>Go back / forward a page in the browser and Finder</i>
Chụm 2 ngón <i>Two-finger pinch</i>	Phóng to / thu nhỏ <i>Zoom in / zoom out</i>
Chạm 2 ngón lên trackpad (không nhấn) <i>Touch two fingers on the trackpad (without pressing)</i>	Xoay ảnh khi kết hợp cử chỉ xoay <i>Rotate an image when combined with the rotate gesture</i>
Nhấp đúp 2 ngón <i>Two-finger double-tap</i>	Phóng to thông minh trên trang web <i>Smart zoom on web pages</i>
Vuốt 3 ngón lên <i>Three-finger swipe up</i>	Mission Control — xem tất cả cửa sổ <i>Mission Control — see all windows</i>
Vuốt 3 ngón xuống <i>Three-finger swipe down</i>	App Exposé — cửa sổ của ứng dụng hiện tại <i>App Exposé — windows of the current app</i>
Vuốt 3 ngón trái/phải <i>Three-finger swipe left/right</i>	Chuyển giữa các không gian làm việc và ứng dụng toàn màn hình <i>Switch between desktops and full-screen apps</i>
Chụm 4 ngón vào <i>Four-finger pinch in</i>	Mở Launchpad / Applications <i>Open Launchpad / Applications</i>
Xoè 4 ngón ra <i>Four-finger spread</i>	Hiện Desktop <i>Show Desktop</i>
Chạm 3 ngón vào một từ <i>Three-finger tap on a word</i>	Tra từ điển và Wikipedia ngay tại chỗ (Look Up) — rất hữu ích khi đọc tài liệu tiếng Anh <i>Look up the dictionary and Wikipedia in place (Look Up) — very useful when reading English documents</i>
Force click (nhấn sâu) <i>Force click (press deeply)</i>	Xem trước liên kết, tra từ, xem trước tệp <i>Preview links, look up words, preview files</i>

GHI CHÚ — Three finger drag là cử chỉ bị giấu kỹ nhưng đáng bật nhất: đặt ba ngón lên cửa sổ và kéo để di chuyển cửa sổ, bôi đen văn bản, kéo tệp — không cần nhấn giữ. Đường dẫn: System Settings → Accessibility → Pointer Control → Trackpad Options → Dragging style → Three Finger Drag.

NOTE — Three finger drag is a well-hidden gesture but the one most worth turning on: place three fingers on a

window and drag to move windows, select text or drag files — no need to click and hold. Path: System Settings → Accessibility → Pointer Control → Trackpad Options → Dragging style → Three Finger Drag.

3.5. Touch Bar và Touch ID — Touch Bar and Touch ID

MacBook Pro 13" M1 là một trong những model cuối cùng còn Touch Bar — dải màn hình cảm ứng thay cho hàng phím F.

The 13" MacBook Pro M1 is one of the last models with a Touch Bar — a touch-screen strip that replaces the row of F keys.

- Giữ phím **fn** để hiện hàng phím F1–F12 truyền thống.
*Hold the **fn** key to show the traditional F1–F12 keys.*
- Muốn Touch Bar **luôn** hiện phím F: System Settings → Keyboard → Touch Bar Settings → Touch Bar shows → **F1, F2, etc. Keys**.
*To make the Touch Bar **always** show F keys: System Settings → Keyboard → Touch Bar Settings → Touch Bar shows → **F1, F2, etc. Keys**.*
- Tùy biến dải Control Strip bên phải: mở ứng dụng bất kỳ → View → Customize Touch Bar, rồi kéo nút từ màn hình xuống Touch Bar.
Customise the Control Strip on the right: open any app → View → Customize Touch Bar, then drag buttons from the screen down to the Touch Bar.
- **Touch ID** (nút góc trên bên phải) dùng để mở khoá máy, xác nhận mua hàng, mở khoá ghi chú, và thay mật khẩu quản trị trong Terminal khi chạy `sudo` — hãy bật tùy chọn này, xem mục 5.6.
***Touch ID** (the button in the top-right corner) unlocks the Mac, confirms purchases, unlocks notes, and replaces the administrator password in Terminal when running `sudo` — turn this option on, see section 5.6.*

CẢNH BÁO — Touch Bar rất dễ bị chạm nhầm khi gõ nhanh, đặc biệt là nút Esc ảo (trên model 13" M1, Esc là phím vật lý nên đỡ hơn). Nếu bạn hay tắt nhầm nhạc hay đổi độ sáng, hãy chuyển Touch Bar sang chế độ chỉ hiện phím F như trên.

WARNING — *The Touch Bar is easy to touch by accident when typing fast, especially the virtual Esc key (on the 13" M1 model, Esc is a physical key, which helps). If you often stop music or change brightness by mistake, switch the Touch Bar to show only F keys as described above.*

3.6. Tự tạo phím tắt cho bất kỳ lệnh menu nào — Create your own shortcut for any menu command

Đây là tính năng mạnh mà Windows không có: bạn có thể gán phím tắt cho **bất kỳ mục menu nào của bất kỳ ứng dụng nào**.

*This is a powerful feature Windows does not have: you can assign a keyboard shortcut to **any menu item in any app**.*

1. Mở **System Settings → Keyboard → Keyboard Shortcuts... → App Shortcuts**.
*Open **System Settings → Keyboard → Keyboard Shortcuts... → App Shortcuts**.*
2. Nhấn **+**.
*Click **+**.*
3. Chọn ứng dụng (hoặc All Applications).
Choose the app (or All Applications).
4. Gõ **chính xác từng ký tự** tên mục menu, kể cả dấu ba chấm (ví dụ: `Export as PDF...`).
*Type the menu item name **exactly, character for character**, including the ellipsis (for example: `Export as PDF...`).*

5. Bấm tổ hợp phím mong muốn rồi nhấn **Done**.

*Press the key combination you want, then click **Done**.*

Ví dụ thực tế: gán **Cmd + Shift + S** cho lệnh `Save As...` trong Microsoft Word, hay gán một phím tắt cho `Merge All Windows` để gộp mọi cửa sổ Finder thành tab.

*Practical examples: assign **Cmd + Shift + S** to the `Save As...` command in Microsoft Word, or assign a shortcut to `Merge All Windows` to combine all Finder windows into tabs.*

Chương 4. Finder và quản lý tệp — Chapter 4. Finder and file management

4.1. Cấu trúc thư mục macOS — macOS folder structure

macOS dựa trên Unix, nên toàn bộ hệ thống nằm trong **một cây thư mục duy nhất** bắt đầu từ dấu gạch chéo / (gọi là root), không có khái niệm ổ C: hay D:.

macOS is based on Unix, so the whole system sits in a single folder tree starting from the slash / (called root); there is no concept of a C: or D: drive.

Đường dẫn Path	Nội dung Contents
/	Gốc của hệ thống tệp <i>Root of the file system</i>
/Applications	Ứng dụng cài cho mọi người dùng <i>Apps installed for all users</i>
/Applications/Utilities	Tiện ích hệ thống: Terminal, Disk Utility, Activity Monitor, Migration Assistant <i>System utilities: Terminal, Disk Utility, Activity Monitor, Migration Assistant</i>
/Users/<tên> hoặc ~ /Users/<name> or ~	Thư mục cá nhân của bạn <i>Your home folder</i>
~/Desktop	Màn hình nền <i>Desktop</i>
~/Documents	Tài liệu <i>Documents</i>
~/Downloads	Tệp tải về <i>Downloaded files</i>
~/Library	Thư mục ẩn chứa cấu hình, cache, plugin, phông chữ, container ứng dụng. Tương đương AppData của Windows <i>Hidden folder holding settings, caches, plug-ins, fonts and app containers. Equivalent to AppData on Windows</i>
/Library	Cấu hình dùng chung cho mọi người dùng <i>Settings shared by all users</i>
/System	Hệ điều hành — chỉ đọc , được bảo vệ bằng SIP (System Integrity Protection) <i>The operating system — read-only, protected by SIP (System Integrity Protection)</i>
/Volumes	Nơi ổ cứng ngoài, USB, ảnh đĩa được gắn vào <i>Where external drives, USB drives and disk images are mounted</i>
/opt/homebrew	Nơi Homebrew cài phần mềm trên máy Apple Silicon (trên Intel là /usr/local) <i>Where Homebrew installs software on Apple Silicon Macs (on Intel it is /usr/local)</i>
/tmp , /var	Tệp tạm và dữ liệu hệ thống dạng Unix <i>Temporary files and Unix-style system data</i>
/private/var/folders	Cache và tệp tạm của ứng dụng — nơi chiếm dung lượng ngằm nhiều nhất <i>App caches and temporary files — the biggest hidden consumer of disk space</i>

Mở thư mục ẩn ~/Library — Open the hidden ~/Library folder

- Trong Finder: giữ phím **Option** rồi mở menu **Go** — mục **Library** sẽ hiện ra.
In Finder: hold Option and open the Go menu — the Library item appears.
- Hoặc **Cmd + Shift + G** rồi gõ ~/Library.
Or press Cmd + Shift + G and type ~/Library.

- Hiện toàn bộ tệp ẩn trong cửa sổ Finder: **Cmd + Shift + .** (dấu chấm). Bấm lại để ẩn đi.
*Show all hidden files in a Finder window: **Cmd + Shift + .** (period). Press again to hide them.*

4.2. Thao tác Finder cần thuộc lòng — *Finder actions to know by heart*

Phím tắt <i>Shortcut</i>	Chức năng <i>Function</i>
Space	Quick Look — xem trước tệp (ảnh, PDF, video, Office, mã nguồn) mà không cần mở ứng dụng <i>Quick Look — preview files (images, PDFs, videos, Office files, source code) without opening an app</i>
Cmd + Shift + G	Nhảy tới đường dẫn bất kỳ (Go to Folder) <i>Jump to any path (Go to Folder)</i>
Cmd + Shift + .	Hiện / ẩn tệp ẩn <i>Show / hide hidden files</i>
Cmd + I	Get Info — xem dung lượng, quyền, ứng dụng mở mặc định <i>Get Info — see size, permissions, default app</i>
Cmd + D	Nhân bản tệp (Duplicate) <i>Duplicate a file</i>
Cmd + Option + V	Dán theo kiểu di chuyển (sau khi Cmd + C) <i>Paste as a move (after Cmd + C)</i>
Cmd + Delete	Chuyển vào Thùng rác <i>Move to Trash</i>
Cmd + Shift + Delete	Dọn sạch Thùng rác <i>Empty Trash</i>
Cmd + Ctrl + Shift + T	Thêm tệp đang chọn vào Dock <i>Add the selected file to the Dock</i>
Cmd + 1 / 2 / 3 / 4	Đổi kiểu hiển thị: Icon / List / Column / Gallery <i>Change view: Icon / List / Column / Gallery</i>
Cmd + Option + P	Hiện thanh đường dẫn (Path Bar) ở đáy cửa sổ — nên bật vĩnh viễn <i>Show the Path Bar at the bottom of the window — keep it on permanently</i>
Cmd + Option + S	Hiện / ẩn Sidebar <i>Show / hide the Sidebar</i>
Cmd + T	Mở tab mới trong cùng cửa sổ Finder <i>Open a new tab in the same Finder window</i>
Cmd + [/]	Lùi / tiến trong lịch sử duyệt <i>Go back / forward in browsing history</i>
Cmd + ↑	Lên thư mục cha <i>Go to parent folder</i>
Cmd + ↓	Mở tệp / vào thư mục <i>Open a file / enter a folder</i>

Chế độ Column View — bạn nên dùng nhiều nhất — *Column View — the mode you should use most*

Nhấn **Cmd + 3**. Column View hiển thị từng cấp thư mục thành một cột riêng, cho phép đi sâu nhiều tầng mà vẫn thấy đường đi — nhanh hơn hẳn cách duyệt của File Explorer. Kéo đường phân cách cột để đổi độ rộng; giữ Option khi kéo để đổi tất cả các cột cùng lúc.

Press **Cmd + 3**. Column View shows each folder level as its own column, letting you go many levels deep while still seeing the path — much faster than browsing in File Explorer. Drag a column divider to change its width; hold **Option** while dragging to resize all columns at once.

4.3. Tìm kiếm và sắp xếp thông minh — *Smart search and sorting*

- **Cmd + F** trong Finder mở tìm kiếm nâng cao. Bấm dấu **+** để thêm điều kiện: loại tệp, ngày sửa, dung lượng, nội dung bên trong.
*Cmd + F in Finder opens advanced search. Click **+** to add criteria: file type, date modified, size, contents.*
- Lưu kết quả tìm kiếm thành **Smart Folder** (thư mục thông minh) — nó tự cập nhật, ví dụ "mọi tệp .mp4 tạo trong 7 ngày qua".
*Save search results as a **Smart Folder** — it updates itself, for example "all .mp4 files created in the last 7 days".*
- **Tags (thẻ màu)**: nhấp chuột phải vào tệp → chọn màu. Sau đó nhấp thẻ trong Sidebar để gom mọi tệp cùng thẻ từ khắp ổ đĩa — công cụ phân loại mạnh nhất của Finder.
Tags (colour tags): right-click a file → choose a colour. Then click the tag in the Sidebar to gather every file with that tag from across the drive — Finder's most powerful organising tool.
- Sắp xếp theo nhóm: View → **Use Groups** (Cmd + Ctrl + G) để gom theo loại, ngày, ứng dụng.
*Group items: View → **Use Groups** (Cmd + Ctrl + G) to group by kind, date or app.*
- Đổi tên hàng loạt: chọn nhiều tệp → nhấp phải → **Rename...** → chọn Replace Text / Add Text / Format (đánh số thứ tự). Rất tiện khi xử lý ảnh và video hàng loạt.
*Batch rename: select multiple files → right-click → **Rename...** → choose Replace Text / Add Text / Format (sequential numbering). Very handy for processing images and videos in bulk.*

4.4. Dock — cấu hình cho hiệu quả — *Dock — setting it up for efficiency*

- Kéo ứng dụng ra khỏi Dock cho tới khi hiện chữ **Remove** để gỡ; kéo từ Applications vào Dock để thêm.
*Drag an app out of the Dock until **Remove** appears to remove it; drag from Applications into the Dock to add one.*
- Nhấp phải một ứng dụng → **Options** → **Keep in Dock** để giữ cố định.
*Right-click an app → **Options** → **Keep in Dock** to pin it.*
- Thư mục ở phần bên phải Dock gọi là **Stack**. Nhấp phải để chọn hiển thị dạng **Grid** hoặc **List** — kéo thư mục Downloads vào đây là thao tác cơ bản.
*Folders on the right side of the Dock are called **Stacks**. Right-click to display them as a **Grid** or **List** — dragging the Downloads folder here is a basic step.*
- System Settings → Desktop & Dock: bật **Automatically hide and show the Dock** để lấy thêm không gian màn hình 13 inch, và tắt **Show recent applications in Dock** để Dock không xáo trộn.
*System Settings → Desktop & Dock: turn on **Automatically hide and show the Dock** to gain screen space on the 13-inch display, and turn off **Show recent applications in Dock** so the Dock does not get cluttered.*
- Muốn Dock hiện ngay không có độ trễ, chạy trong Terminal:
To make the Dock appear instantly with no delay, run in Terminal:

```
defaults write com.apple.dock autohide-delay -float 0
defaults write com.apple.dock autohide-time-modifier -float 0.25
killall Dock

# Khôi phục mặc định:
# Restore the default:
# defaults delete com.apple.dock autohide-delay; killall Dock
```

4.5. iCloud Drive và đồng bộ đám mây — *iCloud Drive and cloud sync*